

Số: 0252.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1574.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Ban Quản lý cây nước Tân Vinh - Tại Trụ sở dân phòng Tân Vinh. Địa chỉ: Ấp Tân Vinh, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 17/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 118-TP
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 17/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 24/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,1°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 36,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,8	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,94	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,16	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	210	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,004	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,17	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	120,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	71,62	≤ 250

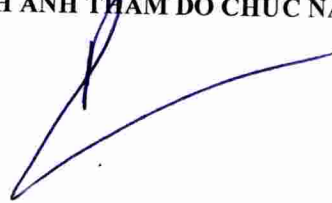
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	< LOQ = 0,007 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	17,9	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,40	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	81,1	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	92	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ Coliforms không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0252.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1575.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Ban Quản lý cây nước Tân Vinh - Tại hộ: Nguyễn Văn Đẹp. Địa chỉ: Ấp Tân Vinh, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 17/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 119-TP
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 17/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 24/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,1°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 36,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,84	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,91	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,92	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,13	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	390	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,005	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,12	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	126,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	73,39	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	< LOQ = 0,007 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	19,0	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,41	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	94,2	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	68	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0252.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1576.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Ban Quản lý cây nước Tân Vinh - Tại hộ: Đỗ Thị Bé. Địa chỉ: Ấp Tân Vinh, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 17/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 120-TP
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 17/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 24/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,1°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 36,0°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,92	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,29	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,26	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	360	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,005	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,14	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	124,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	73,39	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₂ -B (2023) (*)	0,01	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ -B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,002 mgN/L	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	18,0	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,42	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	92,1	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu